TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/03/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Trần Văn Thơi

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. - Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1), sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. - vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu bà C và ông T1 tự nguyện sống với nhau vào năm 1996, chúng tôi không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo bà C trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm ông T1 không lo làm ăn, thường hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, bà C có khuyên ngăn và cho ông T1 nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng ông T1 không thay đổi. Hiện nay, bà C xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông T1 không còn nữa nên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 01/01/1998 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/5/2009, cháu T2 có nguyện vọng sống với bà C sau khi bà C và ông T1 ly hôn. Hiện nay cháu T2 đang sống với bà C, cháu O đã trưởng thành và có gia đình riêng. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/5/2009 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt do bận việc buôn bán. Bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông T1. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/5/2009 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Phần ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1): Do ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông T1. Ông T1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1) vắng mặt không lý do. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[-] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai. Ngày 15/01/2024 bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C

[-] Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T

[3] Xét về hôn nhân: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nhau bà C và ông T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, vợ chồng không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Mặc dù không tổ chức đám cưới nhưng bà C và ông T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên việc bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là có cơ sở xem xét.

[-] Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà C trình bày là do ông T thường hay uống rượu, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, bà C có khuyên ngăn và cho ông T nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng ông T không thay đổi. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các bên hòa giải để về đoàn tụ lại với nhau thì Tòa án đã nhiều lần mời ông T về Tòa án dự hòa giải cũng như làm rõ ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà C nhưng ông T không đến. Đến khi Tòa án thông báo cho ông T biết ngày đưa vụ án ra xét xử thì ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này, cho thấy rằng ông T không có thành ý hàn gắn tình cảm với bà C, bỏ trôi sự việc mặc nhiên để Tòa án giải quyết sự việc theo yêu cầu của bà C. Phía bà C xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông T không còn nữa nên giữ yêu cầu ly hôn với ông T.

[-] Từ những cơ sở trên, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian ly thân vợ chồng không tự đoàn tụ được với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim C đối với ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1).

[4] Về con chung: Bà C trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 01/01/1998 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/5/2009. Cháu Minh T2 có nguyện vọng được sống với bà C sau khi bà C và ông T1 ly hôn. Từ khi ly thân đến nay, cháu Minh T2 đang sống với bà C, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Minh T2, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[-] Đối với yêu cầu nuôi con chung của bà C: Từ khi bà C và ông T1 ly thân đến nay cháu Minh T2 do bà C chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đã ổn định việc học, hoà nhập với môi trường sống hiện tại. Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo ổn định cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý một cách toàn diện cho cháu thì việc giao cháu Minh T2 bà Nguyễn Thị Kim C tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Đồng thời, cũng đúng theo nguyện vọng của cháu Minh T2 và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về phía ông T1 thì Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến Tòa án để làm rõ ý kiến của ông T1 đối với yêu cầu nuôi con của bà C nhưng ông T1 nhiều lần vắng mặt không rõ lý do xem như đã tự mình từ bỏ quyền được pháp luật bảo về.

[-] Vì vậy, Căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Minh T2. Hội đồng xét xử, xét chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Kim C. Giao cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/5/2009 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[-] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T1 vắng mặt. Bà C không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi cháu Minh T2 nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[-] Ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1) không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[-] Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T1 vắng mặt. Bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013646, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C

1.1 Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1).

1.2 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/5/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành, bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1) vắng mặt. Bà C không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1) không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T1) vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013646, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Kim Liên